

ĐỊA DANH VÀ NGHỆ THUẬT CHƠI CHỮ

NGUYỄN VĂN NỞ

(TS, Khoa Sư phạm, Đại học Cần Thơ)

1. Địa danh không chỉ đơn thuần là cái tên được đặt ra để chúng ta gọi về một vùng đất. Mỗi địa danh thường phản ánh một đặc điểm nào đó về địa bàn, lịch sử, xã hội, ngôn ngữ... và hơn thế nữa nó còn chứa đựng tình sông, núi, quê hương; tình làng, nghĩa xóm. Ý nghĩa của địa danh, nhất là nơi chôn nhau cắt rốn, đối với tâm tư, tâm cảm, tâm thức của mỗi người rất quan trọng và có phần thiêng liêng. Nguyễn Khoa Điềm đã nói về tình cảm của những người đi khai phá vùng đất mới đối với địa danh, quê hương mình qua câu thơ: *“Họ gánh theo tên xã, tên làng trong mỗi chuyến đi dân”*. Khi đi vào thơ ca, địa danh được coi như là *“ma thuật của âm thanh”*; có khả năng tạo nên một xúc cảm nghệ thuật đôi khi không dễ lí giải. Tuy nhiên, trong nghệ thuật ngôn từ, địa danh còn có thể được dùng làm phương tiện để biểu đạt một nội dung ngữ nghĩa mới nhằm mục đích châm biếm hoặc đùa vui, thể hiện cái nhìn hóm hỉnh, thông minh của người dùng. Cách vận dụng mà chúng tôi đề cập đến chính là biện pháp chơi chữ.

2. Cách chơi chữ từ việc vận dụng những yếu tố trong địa danh được thể hiện rất phong phú. Điều đó do một số địa danh có sự trùng khớp ngẫu nhiên, thú vị về mặt âm thanh, ngữ nghĩa tạo cơ sở cho sự liên tưởng, phát hiện, sáng tạo của người dùng; giúp họ mượn chúng làm phương tiện chuyển tải một nội dung ngữ nghĩa mới độc đáo, bất ngờ. Cũng cần nói thêm, những địa danh xuất hiện trong cách chơi chữ chỉ là phương tiện biểu đạt chứ không phải mục đích biểu đạt. Nội dung ngữ nghĩa mới mà cách chơi chữ mang lại qua việc khai thác những thành tố trong địa danh không nhằm để châm biếm về một vùng quê nào mà

chỉ mượn chúng để biểu đạt một vấn đề khác qua đó cho ta thấy sự liên tưởng độc đáo, năng lực ngôn ngữ cùng trí thông minh pha chút hóm hỉnh của người dùng đồng thời phản ánh sự phong phú, giàu đẹp và đặc điểm của tiếng nói dân tộc.

2.1. Trước hết, có một số địa danh được dùng làm phương tiện biểu đạt cho nội dung ngữ nghĩa mới dựa vào sự tương đồng về mặt ngữ âm. Ví dụ:

Vú Nàng đã bén tay anh,

Qua hòn Xương, Kiến thì Xanh bắc cầu.

(Ca dao)

“*Vú Nàng*” là tên một hòn đảo nhỏ (tương tự Xương, Kiến, Xanh, thuộc vùng biển Diễn Châu) được dùng với nghĩa như “*vú của nàng*” theo cách cùng âm.

Ở Quảng Nam – Đà Nẵng có địa danh “*La Qua*”. Vùng đất này đã đi vào văn chương qua cách chơi chữ đồng âm thật thú vị như sau:

Con gái *La Qua*

Qua đường *qua* chợ

Qua biểu em rằng

Đừng có *la qua*

“*Qua*” trong “*qua đường*” là động từ; “*qua*” trong “*qua chợ*”, “*qua biểu*” là từ xưng hô địa phương (cùng nghĩa với tôi, tao). “*La qua*” ở cuối dòng thứ tư có nghĩa là “*la rầy tôi*” và cùng âm với địa danh “*La Qua*”.

“*Cao*” (trái với “*thấp*”), “*bằng*” (bằng phẳng), cùng âm với “*cao bằng*” (cao cho bằng) và Cao Bằng (tên một tỉnh phía Bắc); sự phát hiện thú vị đó đã dẫn đến việc ra đời hai câu sau:

Cao Bằng cao mà bằng,

Không đâu *cao bằng Cao Bằng*

Cũng với sự liên tưởng tương tự, chợ Đông Ba nổi tiếng ở Huế được dùng làm cơ sở cho câu đối sau:

Chợ **Đông Ba** đông ba buổi

Nội dung biểu đạt của câu trên là chợ Đông Ba cả ba buổi sáng, trưa, chiều đều đông đúc kẻ mua người bán. Điều thú vị là sự lặp lại liên tiếp của hai âm tiết “**Đông Ba**”.

Theo cách này, với địa danh “**Cần Thơ**”, người viết mạo muội tạo ra cách chơi chữ đồng âm sau:

- Người **Cần Thơ** cần thơ

Đất **Cần Thơ** cần... thơ

Có khá nhiều ngữ liệu chơi chữ dựa vào hình thức mượn một yếu tố của địa danh kết hợp với một từ ngữ khác tạo nên kết hợp mới có một thành tố đồng âm với địa danh đó và thường là để đùa vui. Ví dụ như:

- Chưa đi chưa biết **Vũng Tàu**

Muốn đi cho biết **vũng** nào cạn sâu.

Đi rồi mới thấy phát râu

Vũng Tàu có khác gì đâu **vũng nhà**.

- Chưa đi chưa biết **Đồ Sơn**,

Đi rồi mới biết chẳng hơn **đồ nhà**.

- Chưa đi chưa biết **Bà Nà**

Đi rồi mới thấy thua xa... **bà nhà**.

- Chưa đi chưa biết **Cần Thơ**

Đi rồi mới thấy xác xơ thân hình

Một vòng trao đổi nghĩa tình

Cần Thơ vui về... **cần cổ** mình xui lờ

Cách chơi chữ đồng âm cũng có thể kể thêm các ngữ liệu sau:

- Gái Khán **Xuân**, **xuân** xanh tuổi mười ba, khép cửa phòng xuân còn đợi nguyệt.

- Trai Đình **Bảng**, **bảng** vàng treo đệ nhất, chờ khi chiêm bảng trúng khôi khoa.

Trong hai vế đối trên, hai từ “**xuân**” và “**bảng**” đồng âm với hai tiếng “**Xuân**” và “**Bảng**” trong hai địa danh.

- Cô gái **Quần Lạc**, đi chợ **Lạc Quần**, bán **lạc** mua **quần**, trở về **Quần Lạc**.

Quần Lạc và Lạc Quần là hai địa danh ở vùng đất Nam Định; thành tố của các địa danh

trên lại đồng âm với danh từ “**lạc**” (đậu phộng) và “**quần**” (quần áo).

- Đá không chân, sao gọi là **Đá Nhảy**

Cát không mồm miệng sao gọi là **Cát Gầm**

Anh mà đối đặng, em buông dầm đợi anh?

“**Đá Nhảy**” và “**Cát Gầm**” là hai địa danh ở Quảng Bình.

Ở miền Nam, trong lời ăn tiếng nói hàng ngày, người ta thường dùng các từ đồng âm sau đây để đùa vui như:

- Đi **Mĩ**, tức đi **Mĩ Tho**

- Đi **Tây**, tức đi **Tây Ninh**

- Đi **Đức**, tức đi **đứt** (nghĩa là chết. Phương ngữ Nam bộ phát âm không phân biệt hai phụ âm cuối “c”, “t”).

Tại huyện Cái Bè (Tiền Giang) còn có xã Mỹ Đức Tây. Vì vậy, nói đi đến đây cũng là cách nói vui: vừa đi **Mĩ**, **Đức** và cả đi **Tây** (Đi **Tây** ở đây được hiểu là đi nước ngoài nói chung).

Cách chơi chữ đồng âm này cũng bắt gặp khá nhiều trên báo Tuổi trẻ Cười. Chúng ta xem một số ngữ liệu sau:

- “Ví như một chiếc xe du lịch 12 chỗ, mỗi lượt qua cầu mua vé 15.000 đồng, hai lượt đi về vị chi 30.000 đồng! Thu phí kiểu này các bác tài **muốn né- Mũi Né** cũng hỏng được bởi vì đây là con đường độc đạo ra khu du lịch **đụng biển**.”

(Tuổi trẻ Cười số 272, ngày 01.10.2004, tr 13)

Điều trùng hợp là cùng ở số báo trên có chuyện vui “**Lầm**” của Đỗ Thanh Vương cũng có cách chơi chữ về địa danh này như sau:

“ - Sao, chuyến du lịch trăng mật vui về chứ?!

- Mật thì có ngọt thiệt nhưng có điều ...ngứa quá!

- Sao kì dzậy?!

- Bị muỗi truy kích chứ sao!

- Thì ở đâu mà chẳng có muỗi.

- Nhưng tui tưởng **Mũi Né** là **muỗi phải...** **né** chứ!” (trang 23)

- “Cầu Tà Pao bắc qua sông La Ngà, là cây cầu trọng điểm trên tuyến giao thông huyết

mạch của huyện Tánh Linh- Bình Thuận. (...)
Bức xúc trước tiến độ xây cầu Tà Pao như trên,
một số người dân đã đặt biệt danh cho cây cầu
Tà Pao thành cầu **Tà Tà...**"

(Tuổi Trẻ Cười số 273, ngày 15.10.2004, ở trang 13)

- “Đảo Lý Sơn còn có tên là **cù lao Ré**. Mỗi khi gặp tai hoạ gì, người dân trên đảo chỉ biết ngửa mặt lên trời **khóc ré** lên mà thôi”.

(Tuổi Trẻ Cười 321, 01-11-2006, tr 4)

Hiện tượng chơi chữ dựa vào hình thức ngữ âm này còn xuất hiện trong câu đố. Có những câu đố mà nếu không chú giải thì thật khó mà đoán ra được tên địa danh như hai ngữ liệu dưới đây:

- Chú kia bát cạy² xuôi thoàn³

Rủi ro phát hoạ, chú chàng ra tro

Lái (đò) thiêu đồng nghĩa với câu đố và đồng âm với địa danh **Lái Thiêu**.

- Vốn một dòng **Hồng Lạc**

Chịu tiếng oan **vô lương**

Hai bộ phận nhập lại

Thiệt đồ thành một phương

Câu thứ nhất chỉ từ **Nam** (nước Việt Nam – Hồng Lạc). Câu thứ hai chỉ từ **gian** (vô lương), đồng âm với **Vang**. **Nam Vang** là cách gọi phiên âm thủ đô nước Campuchia trước đây.

Bên cạnh hiện tượng đồng âm còn có hình thức biến âm. Ví dụ, trên báo “**Tuổi trẻ**” ra ngày 02.3.2004, ở trang 14 có bài viết với tiêu đề: “Trạm bơm **Nghi Yên** vẫn ... **ngủ yên**”. Bài này nói về Trạm bơm Nghi Yên 4, huyện Nghi Lộc (Nghệ An) với kinh phí đầu tư xây dựng 1,7 tỉ đồng, thi công xong từ năm 2001 nhưng mãi tới năm 2003 mới đi vào hoạt động vì... không đủ nước. Và cho đến thời gian bài viết nêu thì trạm bơm bơm đang ...**ngủ yên** vì kênh chính phục vụ máy bơm vẫn khan nước.”

Ngoài ra, cũng có cách chơi chữ phiên âm tiếng nước ngoài gần âm với tiếng Việt để tạo ra tiếng cười đùa vui. Ví dụ:

Một ông người **Ốt Tra Lây**

Một ông đích thị là **Tây Bán Nhà**

Một ông ở xứ **Buôn Gà**

Cả ba ông ấy đều là **con dê**,

Cùng nhau có một lời thề:

Làm **con dê** cụ không về bên Tây.

Ốt Tra Lây phiên âm từ **Australia**; **Tây Bán Nhà** là nước **Tây Ban Nha** còn **Bungaria** lại được phiên âm là **Buôn Gà**. “**Con dê**” là biến thể phát âm của “**con rể**” nhưng chính biến thể này lại làm tăng thêm tiếng cười vì “**con dê**” là cách nói châm biếm những người hay tán tỉnh phụ nữ.

2.2. Cách chơi chữ dựa vào từ vựng – ngữ nghĩa của từng thành tố trong địa danh cũng đa dạng, phong phú không kém. Chúng tôi thấy có những hình thức sau:

2.2.1. Dùng các từ có cùng trường ý niệm với thành tố tạo nên địa danh. Ví dụ:

- Chị **Hươu** đi chợ **Đồng Nai**

Bước qua **Bến Nghé**, ngồi nhai thịt **bò**.

→ **Hươu**, **nai**, **nghe**, **bò**.

- Chim đại **bàng** bay ngang qua chợ **Đệm**,

Thức ông Lưu **Bị** bàn luận chiêm **bao**.

→ **Bàng**, **đệm**, **bị**, **bao**.

2.2.2. Dùng các từ ngược nghĩa với thành tố tạo nên địa danh. Trên báo “**Tuổi trẻ Chủ nhật**” số 9, ngày 07.3.2004, khi đề cập đến các công trình phục vụ SEA GAMES 22 tại Thành phố Hồ Chí Minh, hai tác giả Ng.Khôi và Tr. Dân đã dùng tiêu đề “Nhà thi đấu **Phú Thọ** có nguy cơ “**giảm thọ**” để nói về tình trạng xuống cấp của nhà thi đấu thể thao đa năng lớn nhất cả nước.”

2.2.3. Chơi chữ dựa trên từ nhiều nghĩa. Ví dụ như:

- **Cầu** lông thì chơi thường xuyên

Cầu Vòi thi thoảng có tiền mới đi

Đời người mấy cái chi chi,

Riêng **cầu** giải yếm, ta đi suốt đời.

Cầu Vòi phía nam thành phố Nam Định khoảng bảy cây số. “**Cầu**”1 là từ tổ của “**cầu lông**”; “**cầu**”2 là phương tiện bắc qua sông, suối còn “**cầu**”3 là cầu tình ái.

2.2.4. Dùng các yếu tố Hán Việt có trong địa danh và từ thuần Việt có nghĩa tương

² Bát cạy: bên tay mặt và bên tay trái (nói về việc đi thuyền trên sông)

³ Thoàn: thuyền

đương. Cách chơi chữ này cũng thường thấy xuất hiện trong các vế đối. Ví dụ:

- Nước **giếng Rộng** pha chè **Long tỉnh**;

Lửa **cầu Rắn** thấp hương **Xà kiều**.

Long tỉnh, **Xà kiều** (Hán Việt) đồng nghĩa với hai địa danh **giếng Rộng** – **cầu Rắn** và đồng âm với **Long tỉnh**, **Xà kiều**, là tên chè và tên hương.

- Học trò **Phú Khê** ăn cơm **cháy**

Quan huyện **Thanh Trì** uống nước **ao**

Khe, trì (Hán Việt) đồng âm với **Khe, Trì** (yếu tố của địa danh Thanh Trì, Phú Khê) và đồng nghĩa với **cháy**, **ao**.

- Huyện **Tam Dương** có **ba con dê**, **đứng núi đá** trông về **Lập Thạch**;

Quan **Tứ Kỳ** đi bốn xe ngựa, vâng mệnh trời ra trị **Thừa Thiên**.

Các địa danh Hán Việt **Tam Dương**, **Tứ Kỳ**, **Lập Thạch**, **Thừa Thiên** đồng nghĩa với “**ba con dê**, **đứng núi đá**, **bốn con ngựa**, **vâng mệnh trời**”.

Cũng với cách chơi chữ như thế, địa danh “**Thừa Thiên**” được dùng làm lời giải cho câu đố sau:

- Thinh thình đất rộng trời cao,

Đố ai biết được xứ nào **trời dư**.

Thừa thiên (HV) đồng nghĩa với **trời dư** và đồng âm với địa danh **Thừa Thiên**. “**Thừa**” ở đây được hiểu theo nghĩa thuần Việt là “**dư**”.

- **Ao Thanh Trì**, **nước trong** leo leo, cá lội ngắc ngư;

Sông **Ngân Hà**, **sao bạc** chan chan, vịt nằm ẩm áp.

Trong vế đối đầu ta thấy địa danh **Thanh Trì** cũng có nghĩa là “**ao nước trong**”.

2.2.5. *Chơi chữ bằng cách tách, đảo các yếu tố cấu thành địa danh để tạo nên một nội dung ngữ nghĩa mới cho văn cảnh.* Ví dụ ngữ liệu sau:

Dân làng Động Trung (huyện Kiến Xương, Thái Bình) ủng hộ phong trào Cần Vương. Bọn thực dân Pháp và tay sai đã đàn áp dã man và cày xới cả mồ mả tổ tiên của những người tham gia kháng chiến. Khi về nhận chức tuần

phủ Thái Bình, Nguyễn Duy Hàn đã đến đây răn đe và ra một vế đối:

Dân **Động Trung** hiểu **động**, **động** hiểu **vô trung**;

Ý nói dân làng Động Trung vì “**làm loạn**”, đã **động** đến việc hiểu (bị đào mồ cuộc mả), như vậy là không trung hiếu với tổ tiên. Nhưng dân làng đã thông minh đối lại:

Quan **Hành Thiện** vi **hành**, **hành** vi **bất thiện**

Hành Thiện là tên làng (thuộc Nam Hà), quê của Nguyễn Duy Hàn. Vế đối lại đã kích Hàn hành xử gian ác, bằng cách đảo trật tự từ ngữ: “**Hành Thiện** vi **hành**” → “**hành** vi **bất thiện**”.

Trong bài “**Chơi Đà Lạt**”, địa danh hồ **Than Thở** đã được Lưu Xuân Hương vừa dùng cách chơi chữ đồng âm vừa tách các yếu tố tạo địa danh trên như sau:

- Có cụ răng long, cụ bạc đầu

Có còn **than thở** với ai đâu

Mà đưa nhau đến **hồ Than Thở**

Chả thấy **than** thì **thở** với nhau!

Địa danh “**Xuân Liễu**” ở huyện Nam Đàn, Nghệ An được tách ra tạo ra cách hiểu như hai nhân vật trữ tình có tên là “**Xuân**” và “**Liễu**” trong hai câu sau:

Anh Sơn phủ bạc, thép hoè

Gió **Nam Đàn** thổi, **Liễu** về với **Xuân**

Còn địa danh Hà Tiên (Kiên Giang) được tách riêng ra để tạo nên một kết hợp mới dựa vào ngữ nghĩa của từng thành tố:

- Chưa đi chưa biết **Hà Tiên**

Đi rồi mới thấy tốn tiền thật đau

Hà nào hồng cạn hồng sâu

Tiên ngoài có khác gì đầu tiên nhà.

Nhưng có lẽ cách tách các yếu tố địa danh trong thơ Bút Tre là một sáng tạo và góp phần làm nên phong cách của thơ ông. Yếu tố được tách tạo nên một ngữ nghĩa mới thật lạ lẫm, hóm hỉnh, dí dỏm:

Anh đi công tác **Pờ Lây**

Cu dài dằng dặc biết ngày nào ra

- Em đi công tác **Buôn Mê**

Thuật xong một cái lại về với anh

(Bút Tre)

2.2.6. Nhưng có thể nói cách chơi chữ qua địa danh phổ biến nhất là hình thức nói lái. Trên báo Tuổi trẻ ra ngày 07-9-2005, ở trang 07, chúng tôi thấy ngữ liệu sau:

"Đèo Ngang" ... đang nghèo.

Xã Quảng Đông nằm dưới chân đèo Ngang, từng được coi là xã nghèo nhất tỉnh. Cái nghèo đeo đẳng người dân dài đến nỗi ai cũng bảo do xã nằm dưới đèo Ngang nên bị "yếm", vì **đèo Ngang** là "**đang nghèo**" mà."

Nguyễn Trọng Bính đến đây, có lẽ nhớ bài thơ "**Qua Đèo Ngang**" nổi tiếng của Bà huyện Thanh Quan, xúc cảm và có hai câu thơ cảm khái về địa danh này theo cách chơi chữ như trên:

- **Đèo Ngang** một dải **đang nghèo**,
Chú tiêu xưa vẫn chú tiêu ngày xưa.

Còn Phanxipăng trong "**Hương sắc Xuân Hương**" lo lắng vì sự xuống cấp của hồ Xuân Hương, một thắng cảnh nổi tiếng của thành phố hoa trên cao nguyên, đã thốt lên:

"Một mai mai một Xuân Hương
Đà Lạt còn gì ... là **đạt**?"

Những vần thơ của Phạm Công Trứ day dứt lòng người vì tình yêu trắc trở; đặc biệt kết thúc bằng một hình thức nói lái nhưng lại góp phần thể hiện một nỗi thất vọng, chán chường; như một tiếng kêu ai oán, nỗi lòng:

Đầu năm em ở Thành Công
Men đường Cầu Giấy anh vòng lại đây.
Giữa năm em chuyển Hồ Tây
Anh xuyên Chợ Bưởi vào ngày phiên đông
Cuối năm em về nhà chồng

Hồ Tây: Tây ở, Thành Công: không thành!

Hồ Cơ trong bài "**Viếng Hòn Chông**" cũng có một phát hiện khá thú vị qua cách nói lái sau:

Ất Sửu ngày xuân viếng **Đá Chông**⁴
Đống chà ven biển có ai trông?

Nhiều địa danh đi vào câu đối bằng hình thức nói lái. Một số câu đối có tác giả như:

- **Bò lang** chạy vào **làng Bo**.

- Cam **Bố Hạ** ngọt mồm phường **bá hộ**.

(Tú Sốt)

- Đem **đổ cống** đút vào **Cống Đổ**;

Lấy **Mỗi câu** ném xuống **cầu Môi**.

(Nguyễn Khuyển)

Cống Đổ và Cầu Môi là hai địa danh gần làng Yên Đỗ.

Và nhiều câu đối có lẽ tồn tại trong văn học dân gian như:

- **Chị chờ** em ở **chợ Chì**;

Tao kéo mày về **Keo Táo**.

Chợ Chì, **Keo Táo** thuộc Hà Bắc.

- **Cỏ đầu Cầu Đỏ** xanh biêng biếc;

Cò lửa Cửa Lò trắng phau phau.

Cửa Lò ở Nghệ An; **Cầu Đỏ** ở Đà Nẵng.

- Gái **Củ Chi chỉ cu**, hỏi **củ chi**?

Trai **Gò Me mò ghe**, hỏi **gò me**?

Củ Chi một địa danh nổi tiếng, "**đất thép thành đồng**", với hệ thống địa đạo thời chống Mĩ; còn **Gò Me** có lẽ là địa danh thuộc huyện Gò Công Đông và đã từng đi vào thơ của Hoàng Tố Nguyên.

- **Cụ Trô** nhấc **cô Trạ**, ghé **Giồng Trôm** chớ có **dòm trông**;

Ông Thanh nhớ **anh Thông**, về **Thủ Đức** bao phen **thức đủ**.

Giồng Trôm là một huyện thuộc tỉnh Bến Tre.

- Xứ **Thủ Đức** năm canh **thức đủ**,

Kẻ **cơ thần** trở lại **Cần Thơ**!

Tương tư hồn mộng dật dờ,

Đành nào em nở buông lơ quên nơm?

- Trai **Hóc Môn** vừa **hôn** vừa **móc**

Gái **Gò Công** vừa **gông**, vừa **co**

Hóc Môn là một huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người **Chợ Thủ** chuyên nghề **thủ chợ**,

Dân **hiền ta** về xứ **Hà Tiên**!

Bè nào cũng mặt thuyền quỳên

Thương ai để bụng, chính chuyên phận mình!

Từ Thành phố Hồ Chí Minh về miền Tây, qua khỏi Long Định (Tiền Giang) một quãng chúng ta sẽ qua một cây cầu có tên Cầu Rượu

⁴ Đá Chông (Hòn Chông ở Nha Trang)

và cách không xa lắm là xã Giồng Dứa. Người viết bài này theo đó đã mượn hai địa danh trên để nói lái như sau:

- Đi *Giồng Dứa* tìm mua *dừa giống*
- Ông cụ qua *Cầu Rượu* làm bà *cụ rầu*

3. Số lượng địa danh trên cả nước có thể nói lên đến hàng chục vạn. Có địa danh tồn tại lâu dài theo năm tháng cho dù lịch sử, xã hội trải qua bao thương hải tang điền; có địa danh trở thành quá khứ, lịch sử, hoài niệm của một thời và cũng có những tên gọi mới xuất hiện. Có địa danh chính thức ghi trong văn bản hành chính cũng có địa danh chỉ gọi trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày. Có địa danh được cấu tạo bằng từ Hán Việt; có địa danh được cấu tạo bằng từ thuần Việt; có địa danh được cấu tạo bằng cách Việt hoá. Và đi cùng với đó là tấm lòng của người dân với vùng đất nơi họ sống hoặc đã từng đến, như Chế Lan Viên viết: “*Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở; Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn*”. Do đó, chắc chắn còn rất nhiều ngữ liệu chơi chữ qua địa danh tồn tại trên các loại văn bản hoặc truyền miệng trong dân gian. Một công trình sưu tầm, tập hợp phong phú và miêu tả được đầy đủ các ngữ liệu này không chỉ góp phần làm giàu thêm kho tàng chơi chữ, giúp ta biết được sự liên tưởng độc đáo, phát hiện thú vị về sự giàu đẹp của tiếng nói dân tộc mà còn cho thấy sự đa dạng, phong phú của cách cấu tạo địa danh người Việt trên mọi miền đất nước đồng thời hiểu thêm về kiến thức văn hoá – xã hội, lịch sử và địa lí.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Lê – Lê Trung Hoa (2002), *Sử dụng từ ngữ trong tiếng Việt (Thú chơi chữ)*, Nxb Khoa học Xã hội.
2. Triều Nguyên (2004), *Nghệ thuật chơi chữ trong văn chương người Việt*, Nxb Giáo dục.
3. Bùi Đức Tịnh (1999), *Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ*, Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Cù Đình Tú (1983), *Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 06-04-2010)

(Rèn luyện kĩ năng tiếp theo trang 21)

Các NTLN được sử dụng khi giao tiếp thường ngắn gọn giúp người nghe dễ theo dõi, có sức bật ra nhanh gọn với mạch nội dung của hội thoại. Các NTLN đó thường biểu hiện bản lĩnh cá nhân, trình độ tri thức, khả năng giao tiếp, tính cách và cá tính của người nói. Những học sinh mạnh dạn và có khả năng ngôn ngữ phát triển, bao giờ cũng dễ dàng tham gia các cuộc hội thoại và biết cách duy trì cuộc hội thoại hơn các em khác.

3. Từ những nội dung của lí thuyết giao tiếp và hội thoại được trình bày ở trên, trong quá trình dạy học NTLN cho học sinh tiểu học, giáo viên cần giúp các em xác định được nội dung và các kĩ năng khi tham gia giao tiếp. Cụ thể, các em cần xác định được: nói về đề tài gì (nội dung giao tiếp), nói cho ai nghe (đối tượng giao tiếp), nói để làm gì (mục đích giao tiếp), và nói như thế nào (kĩ năng giao tiếp). Chỉ khi nào các em tìm được câu trả lời chính xác cho những câu hỏi này thì các em mới làm tốt bài luyện nói của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Chương trình tiểu học 2006*.
2. Đỗ Hữu Châu (2003), *Đại cương ngôn ngữ học*, Tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội.
3. Phan Phương Dung (2001), *Rèn kĩ năng nói cho học sinh lớp 2 qua phân môn làm văn- SGK Tiếng Việt 2000*, Tạp chí Giáo dục, số 12.
4. Nguyễn Thị Xuân Yến, *Xây dựng hệ thống bài tập dạy học ngôn bản ở giai đoạn đầu bậc tiểu học theo nguyên tắc giao tiếp*, Luận án TS GDH, ĐHSP HN, 2005.
5. Tạ Thị Thanh Tâm, *Nghi thức giao tiếp và một vài cách tiếp cận*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2+3, 2006.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 05-08-2010)